

PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI KỸ NĂNG NGHE TRỰC TUYẾN TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG QUỐC

Nguyễn Thu Hằng¹, Nguyễn Thị Thanh Huyền¹
Email: thuhangnt@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/07/2025

Ngày phản biện đánh giá: 12/09/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.992

Tóm tắt: Trong đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng nghe vừa là nền tảng vừa là một trong những thách thức lớn nhất đối với sinh viên Việt Nam. Với người học tiếng Trung, khó khăn càng tăng do đặc thù ngữ âm, thanh điệu phức tạp và sự hạn chế trong môi trường giao tiếp thực tế. Nhiều sinh viên chia sẻ rằng, mặc dù học chắc ngữ pháp và từ vựng, nhưng khi nghe người bản xứ nói nhanh hoặc nổi âm, họ hầu như không hiểu gì. Các bài kiểm tra nghe truyền thống bằng băng cassette hay CD dần bộc lộ sự thiếu linh hoạt, tốn công chăm điểm và đôi khi còn tạo áp lực tâm lý. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này giới thiệu phương pháp xây dựng ngân hàng câu hỏi nghe trực tuyến dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc. Ngân hàng được thiết kế dựa trên chuẩn HSK và CEFR, nhưng đồng thời điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm học tập tại Việt Nam. Nghiên cứu được triển khai trong sáu tuần với 126 sinh viên năm hai. Hệ thống sử dụng Google Forms để quản lý câu hỏi và Google Cloud Text-to-Speech để tạo tệp âm thanh chuẩn, đồng nhất. Kết quả cho thấy điểm trung bình của sinh viên tăng từ 5,6 lên 7,4; tỉ lệ sinh viên trên trung bình tăng từ 54% lên 81%. Nhiều sinh viên cho biết mức độ lo âu đối với phần nghe giảm rõ rệt.

Từ khóa: kỹ năng nghe; tiếng Trung; ngân hàng câu hỏi; kiểm tra trực tuyến; giảng dạy ngoại ngữ

I. Phần mở đầu

Kỹ năng nghe từ lâu đã được coi là nền tảng của giao tiếp ngoại ngữ. Nếu không nghe hiểu, người học khó có thể duy trì hội thoại, cho dù vốn từ và ngữ pháp có phong phú đến đâu. Kỹ năng nghe kích hoạt cơ chế xử lý tín hiệu âm thanh,

ý nghĩa và ngữ cảnh, từ đó tạo nền cho nói, đọc, viết. Đối với sinh viên Việt Nam học tiếng Trung Quốc, đây thường là kỹ năng yếu do sự khác biệt hệ thống âm vị và thanh điệu, cộng thêm hiện tượng nổi âm, lược âm và tốc độ nói tự nhiên khiến người học khó theo kịp. Thực trạng kiểm

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

tra - đánh giá ở nhiều cơ sở đào tạo vẫn thiên về hình thức nghe băng và làm bài trên giấy, dẫn đến các hạn chế về thời gian, tính khách quan, khả năng lưu trữ - tái sử dụng đề và độ phong phú của ngữ liệu. Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, xây dựng một ngân hàng câu hỏi nghe trực tuyến mang tính chuẩn hóa, minh bạch và dễ cập nhật là yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Trung ở bậc đại học.

II. Cơ sở lý luận

Trong thực tế giảng dạy, nhiều sinh viên đạt điểm số cao ở phần ngữ pháp và đọc hiểu nhưng thường thất bại ở phần nghe. Một khảo sát nhỏ trên lớp cho thấy, có tới 70% sinh viên đạt 8 điểm ở phần ngữ pháp nhưng chỉ 3-4 điểm ở phần nghe. Một số sinh viên cho biết chỉ nhận ra rời rạc một số từ quen nhưng khó khái quát nghĩa của toàn văn bản. Đây là minh chứng cho nhận định của Giáo sư Stephen Krashen (1982), Đại học Southern California (Mỹ), rằng đầu vào ngôn ngữ cần vừa tầm, có tính thách thức nhưng vẫn nằm trong khả năng xử lý của người học. Khung lý thuyết được vận dụng trong nghiên cứu này bao gồm Input Hypothesis và Assessment for Learning. Theo Krashen, việc tiếp nhận ngôn ngữ diễn ra khi người học thường xuyên được tiếp xúc với đầu vào có tính lặp lại, phù hợp với trình độ nhưng có thêm yếu tố nâng cao. Bên cạnh đó, theo quan điểm Assessment for Learning, kiểm tra không chỉ là công cụ đánh giá kết quả cuối cùng, mà còn là phương tiện hỗ trợ quá trình học, giúp sinh viên tự nhận thức và điều chỉnh chiến lược học tập. Khái niệm này được phát triển và phổ biến bởi Tiến sĩ Paul Black và Giáo sư Dylan Wiliam (1998), Viện Giáo dục London (Anh).

Tổng quan nghiên cứu quốc tế cho thấy xu hướng áp dụng công nghệ số trong kiểm tra - đánh giá ngày càng phổ biến. Tại Trung Quốc, Giáo sư Zhang Li (2016), Trường Đại học Bắc Kinh, đã chứng minh hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến giúp sinh viên giảm tới 35% áp lực thi cử. Ở Mỹ, nghiên cứu của Tiến sĩ John Brown và Phó Giáo sư Karen Thomas (2018), Đại học California, khảo sát 120 sinh viên tiếng Tây Ban Nha và chỉ ra rằng Google Forms không chỉ thuận tiện trong khâu ra đề mà còn tạo ra cơ sở dữ liệu lớn phục vụ nghiên cứu tiếp theo. Tại Hàn Quốc, Tiến sĩ Kim Soo-jin (2019), Đại học Quốc gia Seoul, đã thử nghiệm hệ thống trực tuyến cho sinh viên học tiếng Nhật, kết quả cho thấy tỉ lệ hoàn thành bài tập tăng tới 50% so với trước. Ở Việt Nam, Tiến sĩ Nguyễn Thị Hồng Vân (2020), giảng viên Trường Đại học Hà Nội, đã bước đầu nghiên cứu việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy tiếng Trung. Tuy nhiên, nghiên cứu này mới dừng lại ở mức thử nghiệm quy mô lớp học nhỏ, chưa hình thành được một hệ thống ngân hàng câu hỏi hoàn chỉnh.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này được triển khai nhằm lấp khoảng trống nói trên. Đối tượng gồm 126 sinh viên năm hai ngành Ngôn ngữ Tiếng Trung Quốc, trường Đại học Mở Hà Nội đã học qua trình độ HSK 2 và đang ở trình độ HSK 3-4. Công cụ sử dụng là Google Forms để quản lý ngân hàng câu hỏi và Google Cloud Text-to-Speech để chuẩn hóa âm thanh. Quá trình thực nghiệm kéo dài sáu tuần, mỗi tuần sinh viên làm trung bình 10 câu hỏi với độ khó tăng dần. Song song với điểm số định lượng, nhóm nghiên cứu còn phát phiếu khảo sát để thu thập phản hồi định tính từ sinh viên và giảng viên.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đặt mục tiêu (i) xây dựng ngân hàng câu hỏi nghe trực tuyến phù hợp với năng lực trung cấp của người học tiếng Trung ở bậc đại học; (ii) phân loại câu hỏi theo các dạng kỹ năng nghe cốt lõi gồm hội thoại ngắn, hội thoại dài, đoạn văn bản xác định ý chính, và bổ sung hai dạng mở rộng là điền từ còn thiếu và sắp xếp trình tự; (iii) triển khai hệ thống trên các nền tảng số nhằm gia tăng tính khách quan, minh bạch và hiệu quả; và (iv) đánh giá tác động thông qua kết quả học tập cùng phản hồi của giảng viên và sinh viên.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (mixed methods), đồng thời kết hợp phương pháp phân tích tài liệu, khảo sát thực tiễn và thực nghiệm sư phạm. Từ đó nghiên cứu tiến hành theo ba bước: (1) thu thập ngữ liệu từ giáo trình phổ biến như Boya Chinese II, Giáo trình Hán ngữ (Hanyu Jiaocheng); Developing Chinese Listening; đề thi chuẩn hóa và nguồn thực tế (tin tức, podcast, phim ngắn); (2) Sau đó tiến hành thiết kế câu hỏi bảo đảm ngắn gọn, rõ ràng, có độ phân hóa và ngữ cảnh gần gũi; (3) triển khai trên các nền tảng số gồm Moodle/LMS (kiểm tra chính thức), Google Forms + Add-ons (kiểm tra nhanh) và Quizizz/Kahoot (luyện tập tương tác). Thử nghiệm dự kiến áp dụng cho 126 sinh viên. Các chỉ số theo dõi gồm độ khó từng câu, thời gian hoàn thành, tỷ lệ chính xác và phản hồi định tính.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Việc xây dựng ngân hàng câu hỏi nghe trực tuyến không chỉ là thao tác kỹ thuật mà còn là quá trình sư phạm, đòi hỏi cân nhắc kỹ lưỡng từ khâu chọn chủ đề, soạn script, tạo file âm thanh đến

thiết kế câu hỏi trên nền tảng trực tuyến. Ở giai đoạn đầu, nhóm nghiên cứu biên soạn 70 đoạn script, phân bố đều theo ba cấp độ: HSK3 (30 đoạn), HSK4 (25 đoạn) và HSK5 (15 đoạn). Các chủ đề xoay quanh tình huống gần gũi như mua bán, hỏi đường, thảo luận học tập, và các đoạn văn học thuật ngắn giới thiệu danh lam thắng cảnh, sự kiện văn hóa. Tiêu chí lựa chọn script dựa trên độ dài, từ 8 giây đến 90 giây, đảm bảo đủ thử thách nhưng không quá tải. Xây dựng ngân hàng câu hỏi nghe trực tuyến không đơn thuần là tập hợp một số bài tập rời rạc mà phải dựa trên cơ sở khoa học, đảm bảo khả năng sử dụng lâu dài và tính liên thông với chương trình đào tạo. Bốn nguyên tắc cơ bản cần tuân thủ là:

- Tính chuẩn hóa: mỗi câu hỏi phải bám sát khung năng lực ngôn ngữ quốc tế (HSK, TOCFL, CEFR), đồng thời phù hợp với đặc điểm tâm lý và trình độ của sinh viên Việt Nam. Chuẩn hóa không chỉ ở nội dung mà còn ở hình thức, thời lượng, cách thiết kế đáp án.

- Tính khoa học: câu hỏi phải có độ khó hợp lý, độ phân hóa rõ rệt, tránh tình trạng quá dễ gây nhàm chán hoặc quá khó làm mất động lực học tập. Ngoài ra, cần có cơ chế kiểm tra - đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của mỗi câu hỏi trước khi đưa vào hệ thống.

- Tính thực tiễn: ngữ liệu cần phản ánh đời sống hàng ngày của sinh viên như lớp học, thư viện, siêu thị, ký túc xá, giao thông, hoạt động ngoại khóa. Điều này giúp sinh viên không chỉ rèn kỹ năng nghe phục vụ thi cử mà còn tăng khả năng ứng dụng vào giao tiếp thực tế.

- Tính minh bạch và khả năng tái sử dụng: ngân hàng cần được thiết kế theo dạng mô-đun, có thể cập nhật, chỉnh sửa,

thay thế từng phần mà không ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống.

Sau đó, toàn bộ script được chuyển thành file mp3 bằng Google Cloud Text-to-Speech. Công cụ này cho phép chọn giọng đọc chuẩn Bắc Kinh, điều chỉnh tốc độ và âm lượng đồng nhất. Phương pháp này khắc phục hạn chế của thu âm thủ công (dễ nhiễu, thiếu ổn định về tốc độ và âm sắc), bảo đảm tính chuẩn hóa. Một sinh viên phản hồi sau khi trải nghiệm: “Nghe giọng của Google Cloud Text-to-Speech (TTS) rõ ràng, dễ phân biệt số và âm gần giống nhau hơn.”

Tiếp theo, các câu hỏi được nhập vào Google Forms ở chế độ Quiz. Mỗi câu hỏi gồm tiêu đề, đoạn audio đính kèm và bốn lựa chọn. Ngoài dạng câu hỏi ngắn HSK3, nhóm nghiên cứu chú trọng thêm các dạng bài tương đồng với HSK4-5, như hội thoại dài và đoạn văn dài.

Ví dụ, một hội thoại dài HSK4:

男：你昨天看医生了吗？

女：看了，医生说我只是感冒，要多休息、多喝水。

男：那你今天还去上课吗？

女：去，但我可能会迟到一点。

男：没关系，我帮你和老师说一下。

Cụ thể như sau:

Bảng 1: Bảng quy chuẩn phân loại chi tiết cho từng cấp độ HSK

Tiêu chí	HSK3	HSK4	HSK5
Thời lượng đơn vị nghe	6-25 giây; 1-2 lượt thoại	20-60 giây; 2-3 người nói hoặc 1 đoạn tường thuật ngắn	45-120 giây; hội thoại nhiều lượt hoặc độc thoại thông tin
Số người nói	1-2	1-2	2-3 (có thể thêm người dẫn/MC)
Tốc độ đọc - nói (cài trên TTS)	0.95-1.05× chuẩn	1.00-1.15× chuẩn	1.10-1.25× chuẩn
Hiện tượng ngữ âm	Nói âm nhẹ, số - thời gian đơn giản	Nói/nhược hóa rõ hơn; số liệu, địa điểm, lịch hẹn	Nói/nhược hóa + liệt kê, so sánh - đối chiếu ngắn

Câu hỏi: Người nữ hôm qua đã làm gì? Đáp án đúng: 去看医生了。

Ngân hàng câu hỏi được xây dựng theo cách này vừa đảm bảo tính chuẩn hóa, vừa khắc phục khó khăn đặc thù của sinh viên Việt Nam. Đặc biệt, việc ứng dụng nền tảng số không chỉ giúp tiết kiệm thời gian chấm thi mà còn cung cấp dữ liệu thống kê (tỷ lệ đúng/sai, độ khó, thời gian làm bài) để giảng viên phân tích và điều chỉnh phương pháp giảng dạy.

Mặc dù trong phần trên, quá trình xây dựng ngân hàng câu hỏi đã nêu rõ nguyên tắc lựa chọn, biên soạn và kiểm định, song vẫn chưa có khung quy chuẩn cụ thể để phân loại giữa các cấp độ HSK3, HSK4 và HSK5. Việc thiếu tiêu chí thống nhất có thể dẫn đến chông chéo về độ khó, thời lượng và chủ đề, gây khó khăn cho việc duy trì tính hệ thống của ngân hàng.

Nhằm khắc phục hạn chế này, nhóm nghiên cứu đề xuất bảng quy chuẩn phân loại chi tiết cho từng cấp độ HSK, trong đó xác định rõ các tiêu chí về thời lượng đoạn nghe, tốc độ nói, chủ đề, cấu trúc ngữ pháp, loại câu hỏi, cũng như ngưỡng độ khó mục tiêu. Bảng này đồng thời đóng vai trò như căn cứ chung để các giảng viên, kỹ thuật viên và sinh viên nghiên cứu áp dụng thống nhất trong giai đoạn mở rộng ngân hàng câu hỏi sau này.

Tiêu chí	HSK3	HSK4	HSK5
Chủ đề - ngữ cảnh	Sinh hoạt hằng ngày: mua sắm, ăn uống, lớp học, ký túc xá	Công việc - học tập, sức khỏe, di chuyển, dịch vụ công	Tin - thông báo, văn hóa - xã hội, mô tả sự kiện/địa danh
Từ vựng mục tiêu	90% thuộc HSK1-3; từ mới $\leq 10\%$ và được “đỡ nghĩa” bằng ngữ cảnh	$\geq 80\%$ HSK1-4; từ mới 10-20%	70-75% HSK1-5; từ mới/thuật ngữ 20-30% nhưng có gợi ý ngữ cảnh
Cấu trúc ngữ pháp	Câu đơn, liên kết cơ bản (但是、因为...所以...)	Câu ghép phổ biến, liên từ chỉ nguyên nhân - điều kiện - chuyển nhượng	Cấu trúc mang tính lập luận/so sánh, mệnh đề phụ ngắn
Mục tiêu thông tin	Nhận diện chi tiết trực tiếp (ai, ở đâu, khi nào)	Ý chính + chi tiết then chốt (lý do, kết quả, thái độ)	Tóm lược, suy luận nhẹ (mục đích, quan hệ logic)
Loại câu hỏi khuyến nghị	Đúng/Sai; chọn A-D chi tiết bề mặt	Chọn A-D ý chính/chi tiết; khớp thông tin	Ý chính, suy luận nhẹ; sắp xếp trình tự; điền mảnh thông tin
Thời gian làm mỗi câu (bao gồm nghe + trả lời)	35-45 giây	45-60 giây	60-75 giây

Như vậy, bảng quy chuẩn trên không chỉ giúp chuẩn hóa mức độ và tiêu chí kỹ thuật cho từng cấp độ HSK, mà còn tạo nền tảng cho việc duy trì tính hệ thống, độ tin cậy và khả năng mở rộng của ngân hàng câu hỏi trong các giai đoạn tiếp theo. Nhờ có khung đối chiếu này, quá trình biên soạn, thẩm định và cập nhật dữ liệu sẽ được thực hiện đồng bộ, đảm bảo mỗi cấp độ đều phản ánh đúng chuẩn đầu ra năng lực ngôn ngữ của người học theo khung HSK hiện hành.

Kết quả sau sáu tuần cho thấy sự tiến bộ rõ rệt. Điểm trung bình toàn lớp tăng từ 5,6 lên 7,4; tỉ lệ sinh viên đạt trên trung bình tăng từ 54% lên 81%. Phân tích theo nhóm năng lực, nhóm giỏi duy trì ổn định, nhóm khá tăng từ trung bình 6,8 lên 8,0; nhóm trung bình từ 5,4 lên 6,9; nhóm yếu từ 4,1 lên 5,8. Phân tích theo dạng bài tập cho thấy hội thoại ngắn cải thiện từ 62% câu đúng lên 78%, hội thoại dài từ 55% lên 72%, và đoạn văn dài từ 60% lên 85%.

Kết quả gợi ý rằng sinh viên không chỉ tiến bộ trong việc nghe từ khóa, mà còn dần hình thành khả năng theo dõi mạch thông tin dài và tóm lược ý chính. Sau khi hoàn thiện quy trình xây dựng và chuẩn hóa ngân hàng câu hỏi kỹ năng nghe Hán ngữ theo các cấp độ HSK3-HSK5, nhóm nghiên cứu đã tiến hành giai đoạn thực nghiệm triển khai trong hai học phần “Nghe hiểu Hán ngữ trung cấp” (tương ứng HSK3-4) và “Nghe hiểu Hán ngữ nâng cao” (tương ứng HSK4-5) tại Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Mở Hà Nội. Thực nghiệm được tổ chức trong học kỳ II năm học 2024-2025 với sự tham gia của 126 sinh viên năm thứ hai.

Toàn bộ bài kiểm tra được tiến hành trực tuyến trên nền tảng Google Form kết hợp Google Sheet nhằm đảm bảo tính tự động trong lưu trữ dữ liệu và chấm điểm. Mỗi đề gồm 40 câu hỏi (20 câu trắc nghiệm lựa chọn và 20 câu điền từ), được hệ thống chọn ngẫu nhiên từ ngân hàng

theo đúng cấp độ HSK tương ứng. Việc triển khai được thực hiện trong điều kiện lớp học bình thường, có giảng viên giám sát, bảo đảm tính khách quan và trung thực của kết quả.

Để đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của hệ thống, nhóm nghiên cứu phát phiếu khảo sát phản hồi đến toàn bộ sinh viên tham gia và 5 giảng viên trực

tiếp giảng dạy. Phiếu khảo sát sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (1 = rất không đồng ý → 5 = rất đồng ý), tập trung vào các tiêu chí về độ phù hợp, độ khó, sự tiện lợi và tính ứng dụng của ngân hàng câu hỏi. Kết quả tổng hợp được trình bày trong bảng kết quả khảo sát sinh viên về mức độ hài lòng đối với ngân hàng câu hỏi nghe Hán ngữ.

Bảng 2: Kết quả khảo sát sinh viên

Tiêu chí khảo sát	Mức độ đồng thuận trung bình (1-5)	Tỷ lệ đồng thuận (mức 4-5)
1. Câu hỏi phù hợp với trình độ HSK của bản thân	4.36	89.7%
2. Thời lượng và tốc độ đọc trong file nghe hợp lý	4.28	87.3%
3. Chủ đề nghe gần gũi, dễ liên hệ với bài học	4.52	93.5%
4. Dạng câu hỏi rõ ràng, không gây hiểu nhầm	4.18	84.1%
5. Bài luyện tập giúp cải thiện kỹ năng nghe hiểu	4.41	90.5%
6. Dễ dàng thao tác khi làm bài trên Google Form	4.67	96.0%
7. Đánh giá cao tính khách quan, minh bạch của chấm điểm tự động	4.59	94.4%
8. Mong muốn được tiếp tục sử dụng trong các học phần khác	4.71	97.6%

Tổng điểm trung bình: 4.46/5 ở mức “Rất đồng ý”, cho thấy sinh viên đánh giá cao tính ứng dụng, sự tiện lợi và độ phù hợp của ngân hàng câu hỏi trong quá trình học tập.

Song song với khảo sát sinh viên, nhóm nghiên cứu cũng thu thập phản hồi từ năm giảng viên trực tiếp sử dụng hệ thống trong giảng dạy. Kết quả cho thấy 100% giảng viên nhận định ngân hàng câu hỏi giúp giảm từ 40% đến 50% thời gian thiết kế bài kiểm tra, đồng thời nâng cao tính đa dạng và độ phân hóa của đề. Bốn trong năm giảng viên cho rằng sự phân chia cấp độ HSK rõ ràng hơn so với phương pháp biên soạn thủ công; một giảng viên đề xuất tăng thêm câu hỏi mang tính suy luận - khái quát ở cấp độ HSK5 để phù hợp hơn với đối tượng sinh viên khá giỏi. Toàn bộ giảng viên đều thống nhất rằng việc triển khai qua Google Form và Google Sheet có

tính khả thi cao, dễ thao tác, ít lỗi kỹ thuật và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường. Ngoài ra, các giảng viên cũng đề xuất bổ sung chức năng thống kê tự động điểm trung bình từng câu hỏi và bộ lọc câu hỏi theo chủ đề nhằm phục vụ công tác ra đề nhanh hơn trong các học kỳ tiếp theo.

Kết quả này phù hợp với Input Hypothesis của GS. Stephen Krashen (1982) và triết lý Assessment for Learning của TS. Paul Black & GS. Dylan Wiliam (1998). So với các công trình của GS. Zhang Li (2016), ĐH Bắc Kinh và TS. John Brown & PGS. Karen Thomas (2018), ĐH California, kết quả nghiên cứu tại Việt Nam tương đồng về việc giảm áp lực và tăng động lực học tập. Tuy nhiên, hạn chế là quy mô nhỏ, thời gian ngắn và chưa có nhóm đối chứng. Đây là gợi ý để nghiên cứu tương lai mở rộng hơn.

Sự đối chiếu giữa các dạng câu hỏi trong ngân hàng và các chuẩn quốc tế như HSK, TOCFL, CEFR cho thấy mức độ tương thích cao, đồng thời có sự điều chỉnh phù hợp với thực tiễn Việt Nam:

- Hội thoại ngắn - chọn đáp án: dạng bài này xuất hiện trong hầu hết các kỳ thi quốc tế. Nó kiểm tra khả năng nhận biết thông tin cơ bản trong thời gian ngắn, phù hợp với HSK cấp 2-3. Với sinh viên Việt Nam, đây là cơ hội rèn luyện phản xạ nhanh, vốn là điểm yếu thường thấy.

- Hội thoại dài - xác định nội dung: dạng bài này giúp sinh viên làm quen với mạch hội thoại tự nhiên, kiểm tra khả năng ghi nhớ và phân tích ý chính - phụ. Trong HSK3-4 và TOCFL Band B, dạng này chiếm tỷ lệ lớn. Điểm khó nằm ở hiện tượng nối âm và tốc độ nói, cần được luyện tập thường xuyên.

- Đoạn văn bản - xác định ý chính: gắn với yêu cầu của CEFR B1-B2, nơi sinh viên cần nghe hiểu các đoạn thuyết trình, bản tin, thông báo. Dạng bài này rèn luyện khả năng khái quát hóa, tránh tình trạng “nghe từng từ” mà bỏ lỡ thông điệp chính.

- Điền từ còn thiếu (mở rộng): tuy ít gặp trong đề thi quốc tế, nhưng lại là dạng hiệu quả để người học Việt Nam khắc phục khó khăn trong phân biệt thanh điệu và âm tiết gần âm. Đây là bước đệm quan trọng trước khi xử lý những bài nghe phức tạp hơn.

- Sắp xếp trình tự (mở rộng): giúp sinh viên phát triển kỹ năng theo dõi logic, đặc biệt quan trọng khi nghe các văn bản tường thuật hoặc chỉ dẫn nhiều bước. Dạng này không chỉ kiểm tra nghe mà còn phát triển kỹ năng tổ chức thông tin.

Như vậy, ba dạng câu hỏi đầu giữ vai trò “chuẩn hóa” theo tiêu chí quốc tế, còn hai dạng mở rộng mang tính “địa phương hóa”, điều chỉnh cho phù hợp với

khó khăn của người học Việt Nam. Sự kết hợp này tạo nên tính cân bằng giữa hội nhập và đặc thù.

V. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu đã chứng minh hiệu quả của việc xây dựng ngân hàng câu hỏi nghe trực tuyến bằng Google Forms kết hợp Google Cloud TTS. Điểm số sinh viên cải thiện rõ rệt, thái độ học tập tích cực hơn, và giảng viên tiết kiệm thời gian. Đặc biệt, việc bổ sung dạng hội thoại dài và đoạn văn dài tương đồng với HSK4-5 đã giúp sinh viên chuẩn bị tốt hơn cho kỳ thi quốc tế. Tuy vậy, nghiên cứu còn giới hạn về thời gian và quy mô. Trong tương lai, cần mở rộng thí điểm ở nhiều trường, kéo dài thời gian thực nghiệm, đồng thời xây dựng nhóm đối chứng để so sánh. Ngoài ra, việc tích hợp công nghệ nhận diện giọng nói để kiểm tra phát âm, cũng như mở rộng sang kỹ năng đọc - viết, sẽ giúp hệ thống toàn diện hơn. Nếu triển khai rộng, mô hình này không chỉ hiện đại hóa kiểm tra - đánh giá tiếng Trung tại Việt Nam, mà còn tạo ra hệ sinh thái dữ liệu giáo dục số, tiệm cận xu hướng toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Brown, J., & Thomas, K. (2018). *Online language testing: Benefits and challenges*. *Journal of Language Assessment*.
- [2]. Hanban. (2015). *HSK test syllabus level 3-4*. Beijing Language and Culture University Press.
- [3]. Kim, S. (2019). *Online listening practice for Japanese learners*. *Seoul Journal of Language Teaching*.
- [4]. Krashen, S. (1982). *Principles and practice in second language acquisition*. Pergamon.
- [5]. 刘珣. (2005). 对外汉语教学概论 [An introduction to teaching Chinese as a foreign language]. 北京大学出版社.

- [6]. Beijing Language and Culture University Press. (2010). *Developing Chinese: Intermediate listening* (发展汉语·中级听力). Beijing Language and Culture University Press.
- [7]. Nguyễn, T. H. V. (2020, October). Ứng dụng công nghệ số trong dạy và học tiếng Trung Quốc tại Việt Nam [Application of digital technology in teaching and learning Chinese in Vietnam]. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*.
- [8]. Zhang, L. (2016). *E-learning and listening comprehension*. *Beijing University Journal of Applied Linguistics*.

METHODS FOR DEVELOPING AN ONLINE LISTENING QUESTION BANK IN CHINESE LANGUAGE TEACHING

Nguyen Thu Hang¹, Nguyen Thi Thanh Huyen¹

Abstract: *Listening is both fundamental and challenging for Vietnamese learners of Chinese. The complexity of tones, rapid speech, and limited exposure to authentic contexts make comprehension especially difficult. Many students, despite mastering grammar and vocabulary, struggle to keep up with native-speed conversations. In response, this study introduces an online listening question bank for Chinese majors in Vietnam, delivered via Google Forms and generated with Google Cloud Text-to-Speech for standardized audio. The question bank was aligned with HSK and CEFR standards but adapted to local needs. A six-week trial with 62 second-year students showed average scores improving from 5.6 to 7.4, and the proportion of students above average increasing from 54% to 81%. Both students and instructors reported reduced anxiety, greater autonomy, and more opportunities for repeated practice.*

Keywords: *Listening comprehension; Chinese language; question bank; online assessment; language teaching*

¹ Hanoi Open University